

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Văn Đàn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Cửu Hưng và bà Nguyễn Thị Hoài
Nhu.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Khắc Quân - Thư ký Toà án nhân dân khu
vực 5 - Quảng Trị.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị tham gia
phiên toà:*** bà Hoàng Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu
vực 5 - Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số 127/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh
chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-
HNGĐ ngày 09/02/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2026/QĐST-
HNGĐ ngày 03/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn V, xã H,
tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Bị đơn: ông **Phạm Hồng T1**, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn V, xã H, tỉnh
Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, bị đơn Hoàng Thị T trình bày:**

Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Hồng T1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự
nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2002 tại UBND xã C (nay là UBND xã
H), tỉnh Quảng Trị. Ông T1 là người nghiện rượu, nhiều lần đánh đập vợ con,
không chăm lo cho gia đình và thường hay bỏ nhà đi. Bà T nhiều lần khuyên
giải nhưng ông T1 không sửa đổi, bà đã cố gắng chịu đựng nhưng nay không thể
gắng thêm được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T yêu cầu được
ly hôn với ông Phạm Hồng T1; vợ chồng có 03 con chung: Phạm Ngọc S sinh
ngày 01/01/2003, Phạm Hồng N sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Hoàng Đại L
sinh ngày 20/11/2014, cháu S đã trưởng thành, có khả năng lao động, còn cháu
N, L chưa đủ 18 tuổi, bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng

và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*** Bị đơn, ông Phạm Hồng T1:** Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông T1.

+ Về con chung: giao bà Hoàng Thị T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Phạm Hồng N và Phạm Hoàng Đại L; ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Phạm Hồng T1 và giải quyết về con chung, nên xác định quan hệ tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Hồng T1 cư trú tại xã H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: ông Phạm Hồng T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Hoàng Thị T và ông Phạm Hồng T1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2002 tại UBND xã C (nay là UBND xã H), tỉnh Quảng Trị (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 11/2002, QS: 01), quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, thấy rằng: Theo kết quả xác minh thì hơn

một năm nay ông T1 thường xuyên uống rượu say xỉn, gây gổ, đánh đập vợ con, không đi làm, không chăm lo cho gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Kết quả xác minh phù hợp với trình bày của bà Hoàng Thị T về nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Toà án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng ông T1 không có ý kiến trình bày, không tham gia các phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, điều đó chứng tỏ ông T1 bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho bà T được ly hôn ông T1.

- *Về con chung*: bà T và ông T1 có 03 con chung: Phạm Ngọc S sinh ngày 01/01/2003, Phạm Hồng N sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Hoàng Đại L sinh ngày 20/11/2014. Cháu S đã trưởng thành, có khả năng lao động. Cháu N và L chưa đủ 18 tuổi. Bà T có thu nhập bình quân 15.500.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, các cháu N, L có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 02 cháu Phạm Hồng N và Phạm Hoàng Đại L cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: bà Hoàng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị T ly hôn ông Phạm Hồng T1.

2. Về con chung: giao bà Hoàng Thị T quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng N, sinh ngày 28/6/2011 và cháu Phạm Hoàng Đại L, sinh ngày 20/11/2014; ông Phạm Hồng T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Hồng T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Phạm Hồng T1 thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà Hoàng Thị T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001519 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (bà Hoàng Thị

T đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh Quảng Trị
(Phòng THADS khu vực 5);
- Các đương sự;
- UBND xã Hiếu Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đàn